

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11/6/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Giáp Hồng Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Lê Hồng M, sinh năm 1984

2- Bị đơn: anh Đỗ Văn C, sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn ĐG, xã Đ, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Hồng M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn C năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P trên cơ sở tự nguyện. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị chuyển về xã ĐG sinh sống trên đất của bố mẹ chị thì anh C hay có mặc cảm ở rể, ngoài ra thời gian vợ chồng chạy chữa mãi sau này mới có con cũng dẫn đến mâu thuẫn. Anh C nói xúc phạm chị và gia đình, đánh đập chị nhiều lần. Anh chị vẫn ở cùng nhà nhưng đã ly thân được hơn 1 năm không còn quan hệ gần gũi tình cảm vợ chồng. Năm 2019 chị đã làm đơn ly hôn 1 lần và Tòa án đã hòa giải chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không thể hoà thuận

được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Đỗ Văn C.

- Về con chung: chị và anh C có 01 con chung là Đỗ Hoàng Y, sinh ngày 24/6/2013. Hiện đang ở với chúng chị, khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Trước đây chị làm công ty mức thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng/tháng, còn hiện nay chị đã nghỉ làm công ty, ở nhà làm nghề nông nghiệp mức thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

* *Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Đỗ Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị M năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn từ khi chị M đi làm công nhân đã quan hệ với người đàn ông khác, anh có biết được vì có tin nhắn hẹn hò của người đàn ông đó cho chị M thì anh có mang cho chị dâu chị M biết, chị M tức giận đập điện thoại của chị M và của anh. Từ năm 2018, vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị M xin ly hôn thì anh không đồng ý. Trước đây chị M cũng đã làm đơn ly hôn năm 2019, vợ chồng có được Tòa án hòa giải nên chị M có rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, từ đó đến nay anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Hoàng Y, sinh ngày 14/6/2013. Hiện cháu đang ở cùng anh chị, khi ly hôn anh xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị M xin nuôi con chung thì anh cũng đồng ý. Hiện nay anh làm nghề mộc thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: anh C không đồng ý ly hôn vì muốn con có cả bố mẹ. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để cháu Yến ở với chị M. Anh giữ nguyên các ý kiến khác.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. Giao cháu Yến cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị M nộp đơn yêu cầu ly hôn anh C, cư trú tại thôn ĐG, xã Đ, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C:

Năm 2006, chị M và anh C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Yên nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị M thì mâu thuẫn là do anh chị chuyển về nhà đẻ của chị sinh sống, anh C có tâm lý mặc cảm vì ở rể, anh chị cũng hiếm muộn phải chạy chữa nhiều dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh C nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị. Theo anh C thì từ năm 2013, chị M đi làm công nhân đã có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi chửi nhau. Mặc dù anh chị trình bày nguyên nhân mâu thuẫn có khác nhau nhưng đều dẫn đến anh chị cãi vã, xô xát. Năm 2019, chị M đã làm thủ tục ly hôn anh C nhưng được Tòa án hoà giải anh chị đã rút đơn để vợ chồng chung sống. Tuy nhiên, sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không hoà thuận được. Anh chị vẫn cãi vã xô xát và ly thân từ năm 2019 đến nay, khoảng 3 tháng nay anh chị cũng ăn riêng dù vẫn chung sống trong 1 nhà. Qua xác minh, địa phương cũng cho biết: Anh C, chị M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn và bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày. Khoảng 02 năm gần đây anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát. Nay chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh C. Anh C không đồng ý ly hôn không phải vì vợ chồng vẫn hoà thuận mà vì muốn con có bố có mẹ. Như vậy, HĐXX thấy: mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, cho chị M ly hôn anh C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị M và anh C có 01 con chung là Đỗ Hoàng Y, sinh ngày 24/6/2013. Hiện nay cháu Y đang ở cùng nhà với anh C chị M nhưng ăn chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Y, anh C trình bày nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý để cháu Y ở với chị M. Xét thấy, chị M và cháu Y đang sinh sống ở nhà đẻ của chị, từ khoảng 3 tháng trở lại đây anh chị ăn riêng thì cháu Y ăn ở cùng chị M, chị M hiện tại đang làm ruộng đủ điều kiện nuôi con dưỡng cháu Y. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX giao cháu Y cho chị M tiếp

tục nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cuộc sống, quyền lợi mọi mặt của cháu Y, phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của chị M, anh C.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị M và anh C không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng M ly hôn anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Hồng M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hoàng Y - sinh ngày 24/6/2013. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0006154 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng